

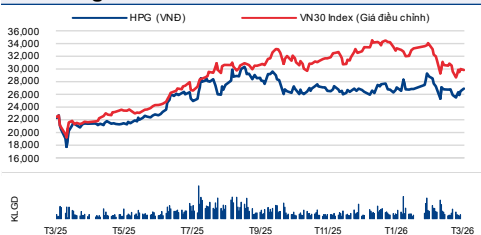
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,300
Tiềm năng tăng/giảm: 34.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/3/2026)	26,900
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,749-30,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,433
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	206,470
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,837
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,675
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,761
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,030
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.6%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	156,116	219,889	242,658
EBITDA đc (tỷ đồng)	28,896	41,522	46,392
LNTT (tỷ đồng)	18,041	25,400	30,290
LNT ĐC (tỷ đồng)	14,678	21,823	26,649
FCF (tỷ đồng)	(10,056)	(2,583)	14,890
EPS ĐC (đồng)	1,912	2,843	3,472
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	16,830	19,182	22,164
T.trưởng EBITDA (%)	34.1	43.7	11.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	7.10	48.7	22.1
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	18.5	18.9	19.1
Tỷ suất LNTTT (%)	11.6	11.6	12.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.90	10.4	11.6
Tỷ lệ LN trả CT (%)	24.8	16.7	13.7
Nợ thuần/VCSH (%)	65.6	52.9	38.5
ROAE (%)	12.7	16.6	17.7
ROACE (%)	13.1	17.2	17.8
EV/doanh thu (lần)	1.75	1.20	1.00
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.44	6.34	5.25
P/E ĐC (lần)	14.1	9.46	7.75
P/B (lần)	1.60	1.40	1.21
Lợi suất cổ tức (%)	1.86	1.86	1.86

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Hai tháng đầu năm 2026: Nhu cầu tăng mạnh, sản lượng tiêu thụ tăng 45,1% so với cùng kỳ

- Doanh thu của HPG tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm 2026, với tổng sản lượng tiêu thụ thép đạt 2,13 triệu tấn (tăng 45,1% so với cùng kỳ). Trong đó, HRC tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, với mức tăng mạnh 81,9% so với cùng kỳ lên 905.899 tấn. Thép xây dựng cũng tăng trưởng vững chắc, với sản lượng tiêu thụ đạt 887.616 tấn (tăng 29,3% so với cùng kỳ).
- Cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch đáng kể sang thị trường trong nước, nhờ hoạt động xây dựng gia tăng. Sản lượng tiêu thụ trong nước tăng mạnh 58% so với cùng kỳ đạt 1,78 triệu tấn trong 2 tháng đầu năm, tương ứng với mức đóng góp 84% vào tổng sản lượng tiêu thụ (2 tháng đầu năm 2025: 77%). Sản lượng xuất khẩu gần như đi ngang ở mức 346.007 tấn (tăng 2% so với cùng kỳ), đóng góp 16% vào tổng sản lượng tiêu thụ (so với mức 23% trong 2 tháng đầu năm 2025).
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG và giữ nguyên giá mục tiêu 36.300đ/cp (tiềm năng tăng giá là 35%).

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ 2 tháng đầu năm 2026

Ngày 31/3/2026, Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) công bố báo cáo 2 tháng đầu năm. Theo đó, HPG đã bán 2,13 triệu tấn thép thành phẩm, tăng 45,1% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu cải thiện ở tất cả các phân khúc sản phẩm, với động lực tăng trưởng chính đến từ HRC và thép xây dựng. Chi tiết như sau:

Sản lượng tiêu thụ HRC tăng mạnh 81,9%, thị phần đạt 30%

Theo VSA, HPG đã bán 905.899 tấn HRC trong 2 tháng đầu năm 2026, tăng 81,9% so với cùng kỳ và đóng góp 42,5% tổng sản lượng tiêu thụ thép của HPG (so với mức đóng góp 33,9% trong 2 tháng đầu năm 2025). Đà tăng trưởng tích cực này chủ yếu đến từ sự kết hợp giữa các biện pháp thuế CBPG đối với HRC giá rẻ từ Trung Quốc (khổ rộng dưới 1.880mm) và công suất mới được bổ sung từ Khu liên hợp gang thép Dung Quất Giai đoạn 2.

Xét theo thị trường, sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 751.595 tấn, tăng 73,8% so với cùng kỳ. Theo ước tính của chúng tôi, với mức sản lượng tiêu thụ trong nước trong 2 tháng đầu năm này, thị phần của HPG ước đạt 29,9% (so với 17,9% trong 2 tháng đầu năm 2025 và 27% trong năm 2025). Thị phần của HRC nhập khẩu vào Việt Nam hiện giảm mạnh xuống 50,7% từ mức 61,8% trong 2 tháng đầu năm 2025 và mức 54.1% của cả năm 2025.

Đối với thị trường xuất khẩu, sản lượng xuất khẩu HRC của HPG đạt 154.304 tấn trong 2 tháng đầu năm 2026, tăng mạnh 136% so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ 2 tháng đầu năm 2026, HPG

Tăng mạnh, được hỗ trợ nhờ nhu cầu ở tất cả các dòng sản phẩm đều cải thiện

Tấn	T2-26	So với cùng kỳ	So với tháng trước	2T26	So với cùng kỳ
Sản phẩm thượng nguồn	828,818	26.8%	-23.9%	1,918,605	49.2%
Thép xây dựng	314,526	-16.8%	-45.1%	887,616	29.3%
Phôi thép/tấm Slab	46,407	20.9%	-41.0%	125,090	23.5%
HRC	467,885	97.0%	6.8%	905,899	81.9%
Ống thép	66,632	-10.1%	-14.0%	144,118	17.5%
Tôn mạ	24,868	-28.0%	-41.8%	67,628	12.3%
Tổng sản lượng tiêu thụ	920,318	20.7%	-23.9%	2,130,351	45.1%
Sản lượng thép thô	1,099,629	34.6%	-5.8%	2,266,787	31.9%

Nguồn: VSA, HSC

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tăng 29%, giành thêm thị phần

Mảng thép xây dựng ghi nhận kết quả khả quan, nhờ đẩy mạnh các hoạt động xây dựng, với sản lượng tiêu thụ đạt 887.616 tấn, tăng mạnh 29,3% so với cùng kỳ. Kết quả này giúp HPG giữ vững vị thế dẫn đầu về thị phần ở mức 35,9%.

Xét theo thị trường, sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 800.012 tấn, tăng 51,3% so với cùng kỳ, trong khi sản lượng xuất khẩu giảm 44,4% so với cùng kỳ xuống còn 87.604 tấn.

Giá bán bình quân thép xây dựng tăng 10,5% kể từ đầu năm

Nhờ nhu cầu trong nước tăng mạnh, giá bán bình quân thép xây dựng của HPG tăng lần lượt 9,5% đối với thép cuộn và 10,8% đối với thép thanh kể từ đầu năm, đạt 15.010 đồng/kg và 15.350 đồng/kg. Mức tăng này bù đắp hoàn toàn cho phần chi phí đầu vào tăng cao, chủ yếu đến từ quặng sắt.

Ngược lại, giá HRC đi ngang so với tháng trước ở mức 13.520 đồng/kg (vẫn giảm 3% kể từ đầu năm do hoạt động bán phá giá HRC khổ rộng trên 1.880mm của Trung Quốc diễn ra trong thời gian dài).

Chúng tôi kỳ vọng với vị thế thị trường vững chắc, HPG sẽ có thể chuyển áp lực lạm phát sang khách hàng trong những tháng tới, đặc biệt đối với phân khúc thép xây dựng. Do đó, chúng tôi vẫn giữ quan điểm từ trung lập đến tích cực đối với tỷ suất lợi nhuận của HPG mặc dù giá quặng sắt và than cốc tăng (quặng sắt và than cốc chiếm 70% chi phí sản xuất của HPG).

Cần nhắc lại rằng, HPG nhập khẩu khoảng 70-75% quặng sắt (chủ yếu từ Brazil và Úc) và 90% than cốc (từ Úc, Nam Phi, Nga và Indonesia). Chúng tôi lưu ý rằng các tuyến vận tải biển chính này, đặc biệt là những tuyến khởi hành từ Brazil và Úc, vẫn không bị ảnh hưởng bởi căng thẳng khu vực tại Trung Đông. Mặc dù giá cước vận tải toàn cầu có thể chịu áp lực nhẹ do tình trạng tắc nghẽn hàng hải trên diện rộng và việc thay đổi lộ trình (chẳng hạn như chuyển hướng sang Mũi Hảo Vọng), chúng tôi cho rằng những yếu tố này sẽ không trở thành trở ngại đáng kể đối với hiệu quả hoạt động hoặc cấu trúc chi phí của HPG trong ngắn hạn.

Khả năng tự chủ năng lượng của HPG

HPG tiếp tục nâng cao năng suất với sản lượng điện tự phát tại Khu liên hợp gang thép Dung Quất lên 2,9 tỷ kWh trong năm 2025, đáp ứng 90% nhu cầu điện năng cho các nhà máy của tập đoàn. Khả năng tự chủ năng lượng vượt trội này là thành quả của việc ứng dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật tiên tiến như: thu hồi nhiệt dư chu trình kín, công nghệ đập cốc khô và quy trình đúc cán liên tục giúp tối ưu hóa hiệu suất vận hành. Phần công suất còn lại, tương đương 10% nhu cầu, được bù đắp từ lưới điện quốc gia (EVN).

Kể từ cuối năm 2025, HPG lắp đặt dự án điện mặt trời áp mái (với vốn đầu tư 600 tỷ đồng), tạo ra 115 triệu kWh năng lượng sạch mỗi năm. Sau khi hoàn thành dự án này, HPG sẽ chuyển sang trạng thái hoàn toàn tự chủ về năng lượng. Trong tương lai, HPG kỳ vọng không chỉ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ nội bộ mà còn tạo ra công suất dư thừa để bán lại cho lưới điện quốc gia. Cột mốc này tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong của HPG trong lộ trình chuyển đổi xanh và sản xuất công nghiệp bền vững tại Việt Nam.

Do đó, chúng tôi tin rằng rủi ro gián đoạn sản xuất bắt nguồn từ tình trạng thiếu điện bên ngoài đã được giảm thiểu tốt. Ngược lại, các đối thủ cạnh tranh sử dụng công nghệ lò điện (EAF) đang đối mặt với áp lực kép đó là phụ thuộc lớn vào lưới điện quốc gia và rủi ro biến động giá từ thị trường thép phế liệu toàn cầu, đặc biệt là nguồn cung nhập khẩu từ EU và Mỹ. Mô hình tích hợp của HPG tạo ra lợi thế phòng vệ tự thân vượt trội, giúp công ty chủ động ứng phó trước những biến động bất lợi từ chi phí năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 36.300đ (tiềm năng tăng giá 35%)

HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8,8 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân 3 năm ở mức 13 lần.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 36.300đ (tiềm năng tăng giá 35%). Chúng tôi cũng giữ nguyên dự báo cho năm 2026 với lợi nhuận thuần dự kiến đạt 22,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 49%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	138,855	156,116	219,889	242,658	261,547
Lợi nhuận gộp	18,498	24,498	35,095	39,565	43,346
Chi phí BH&QL	(3,883)	(4,070)	(5,937)	(6,552)	(7,062)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	14,615	20,428	29,158	33,013	36,284
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	(3,978)	(2,966)	(2,452)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	426	135	220	243	262
LN TT	13,693	18,041	25,400	30,290	34,093
Chi phí thuế TNDN	(1,673)	(2,526)	(2,332)	(2,120)	(2,387)
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.42	(64.8)	(96.4)	(118)	(133)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	12,021	15,450	22,972	28,052	31,574
Lợi nhuận thuần ĐC	11,420	14,678	21,823	26,649	29,995
EBITDA ĐC	21,543	28,896	41,522	46,392	49,808
EPS (đồng)	1,879	2,013	2,993	3,655	4,114
EPS ĐC (đồng)	1,488	1,912	2,843	3,472	3,908
DPS (đồng)	0	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,396	7,675	7,675	7,675	7,675
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,396	7,675	7,675	7,675	7,675
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,396	7,675	7,675	7,675	7,675

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	6,888	8,301	13,005	20,577	39,887
Đầu tư ngắn hạn	18,975	19,484	21,989	29,119	34,001
Phải thu khách hàng	7,648	15,065	17,591	19,413	20,924
Hàng tồn kho	46,091	52,828	65,967	67,944	81,080
Các tài sản ngắn hạn khác	7,073	8,004	11,434	13,346	15,170
Tổng tài sản ngắn hạn	86,674	103,682	129,986	150,399	191,061
TSCĐ hữu hình	130,995	144,291	139,913	140,485	129,943
TSCĐ vô hình	184	187	206	227	249
Bất động sản đầu tư	560	528	478	420	353
Đầu tư dài hạn	137	2,248	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5,940	6,985	12,549	13,839	14,909
Tổng tài sản dài hạn	137,815	154,240	153,146	154,971	145,455
Tổng cộng tài sản	224,490	257,922	283,132	305,370	336,516
Nợ ngắn hạn	55,883	64,695	68,165	65,518	70,618
Phải trả người bán	14,047	21,183	28,586	31,546	34,001
Nợ ngắn hạn khác	2,813	5,091	6,486	7,016	7,449
Tổng nợ ngắn hạn	75,225	94,209	107,800	109,114	117,495
Nợ dài hạn	27,080	27,479	21,491	19,189	15,351
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	29.3	31.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	7,440	4,906	4,470	4,694	4,930
Tổng nợ dài hạn	34,550	32,416	25,961	23,883	20,281
Tổng nợ phải trả	109,842	126,702	133,761	132,997	137,776
Vốn chủ sở hữu	114,356	129,178	147,233	170,117	196,351
Lợi ích cổ đông thiểu số	291	2,042	2,139	2,256	2,389
Tổng vốn chủ sở hữu	114,647	131,220	149,371	172,373	198,740
Tổng nợ phải trả và VCSH	224,490	257,922	283,132	305,370	336,516
BVPS (đ)	17,879	16,830	19,182	22,164	25,582
Nợ thuần/(tiền mặt)	76,075	83,873	76,651	64,129	46,082

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	14,615	20,428	29,158	33,013	36,284
Khấu hao	(6,928)	(8,468)	(12,364)	(13,379)	(13,524)
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	(3,978)	(2,966)	(2,452)
Thuế TNDN đã nộp	(937)	(1,995)	(2,332)	(2,120)	(2,387)
Thay đổi vốn lưu động	(13,927)	(10,949)	(33,835)	(15,485)	(25,952)
Khác	(2,358)	(3,373)	(5,268)	(4,559)	(4,450)
LCT thuần từ HĐKD	6,608	15,694	4,783	28,167	20,791
Đầu tư TS dài hạn	(35,495)	(25,750)	(7,366)	(13,277)	(2,294)
Góp vốn & đầu tư	(27,166)	(29,083)	(3,555)	(7,472)	(5,165)
Thanh lý	32,872	29,661	656	356	506
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(29,788)	(25,172)	(10,265)	(20,392)	(6,953)
Cổ tức trả cho CSH	(4,97)	(27.0)	(3,838)	(3,838)	(3,838)
Thu từ phát hành CP	233	1,707	0	0	0
Tăng/giảm nợ	17,587	9,211	14,024	3,634	9,310
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	17,815	10,891	10,186	(203)	5,472
Tiền & tương đương tiền đầu kì	12,252	6,888	8,301	13,005	20,577
LCT thuần trong kỳ	(5,365)	1,413	4,704	7,572	19,310
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.76	(0.15)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,888	8,301	13,005	20,577	39,887
Dòng tiền tự do	(28,887)	(10,056)	(2,583)	14,890	18,497

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.3	15.7	16.0	16.3	16.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	18.5	18.9	19.1	19.0
Tỷ suất LNT (%)	8.66	9.90	10.4	11.6	12.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.2	14.0	9.18	7.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	16.7	12.4	40.8	10.4	7.78
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	31.1	34.1	43.7	11.7	7.36
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	75.9	28.5	48.7	22.1	12.6
Tăng trưởng EPS (%)	59.9	7.10	48.7	22.1	12.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	75.9	28.5	48.7	22.1	12.6
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	24.8	16.7	13.7	12.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	11.1	12.7	16.6	17.7	17.2
ROACE (%)	11.0	13.1	17.2	17.8	17.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.65	0.81	0.82	0.81
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.45	0.77	0.16	0.85	0.57
Số ngày tồn kho	140	147	130	122	136
Số ngày phải thu	23.2	41.8	34.7	34.9	35.0
Số ngày phải trả	42.6	58.7	56.5	56.7	56.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	67.2	65.6	52.9	38.5	24.2
Nợ/tài sản (%)	37.3	36.1	32.1	28.2	26.0
EBIT/lãi vay (lần)	10.8	8.10	7.33	11.1	14.8
Nợ/EBITDA (lần)	3.89	3.22	2.19	1.85	1.76
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.10	1.21	1.38	1.63
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.65	1.75	1.20	1.00	0.84
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	9.44	6.34	5.25	4.44
P/E (lần)	14.3	13.4	8.99	7.36	6.54
P/E ĐC (lần)	18.1	14.1	9.46	7.75	6.88
P/B (lần)	1.50	1.60	1.40	1.21	1.05
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.86	1.86	1.86	1.86

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn